

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/09/2025
V/v “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lự.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cường
Bà Phạm Thị Dân
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Ngọc Tùng Trúc – Thẩm tra viên
- Đại diện VKSND Khu vực 14- Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Lương Tiến L – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 04 tháng 09 năm 2025, tại Điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Phú Thọ và điểm cầu Công an xã Đ, tỉnh Phú Thọ, mở phiên toà xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 14- Phú Thọ giữa:

Nguyên đơn: Anh Xa Đức T - sinh năm 1996.

Địa chỉ: xóm Q, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

Bị đơn: Chị Hà Thị T1 - sinh năm 1998

Địa chỉ: xóm Q, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Xa Đức T trình bày:

Anh Xa Đức T và chị Hà Thị T1 kết hôn từ năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2017 ngày 17/03/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (Nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không ép buộc. Quá trình chung sống, giữa anh T và chị T1 hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi cọ chửi mắng nhau. Cũng trong năm 2020 chị T1 đã bỏ nhà đi và không cung cấp địa chỉ cho anh T và không có quan tâm gì đến gia đình chồng

con. Anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị T1.

Về con chung: giữa anh T và chị T1 sinh được 01 con chung là cháu Xa Hà Hoàng H, sinh ngày 29/01/2018, hiện đang chung sống cùng với anh T và ông bà nội tại xóm Q, xã Đ vợ chồng ly hôn, anh T yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị Hà Thị T1 theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn đều vắng mặt, không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị T1.

Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành xác minh tình trạng cư trú tại chính quyền địa phương và ghi nhận ý kiến những người thân trong gia đình, kết quả xác minh cho thấy:

Anh Xa Đức T và chị Hà Thị T1 kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 17/03/2017. Sau kết hôn, anh T và chị T1 có sống chung với nhau ở nhà bố mẹ đẻ của anh T tại xóm Q, xã Đ, tỉnh Phú Thọ một thời gian anh T và chị T1 xảy ra mâu thuẫn đến khoảng tháng 11 năm 2020 chị T1 bỏ nhà đi làm ăn ở nơi khác, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Anh T và chị T1 có 01 con chung là cháu Xa Hà Hoàng H, sinh ngày 29/01/2018, cháu H hiện đang ở cùng bố và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh T). Nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì chị T1 bỏ đi không có ở nhà thường xuyên mà chăm sóc cháu. Do chị Hà Thị T1 không có mặt ở nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đã lâu và không rõ nơi cư trú nên các văn bản tố tụng của Tòa án đều được chính quyền địa phương niêm yết công khai, chị T1 biết được việc thụ lý vụ án, đưa vụ án ra xét xử nhưng không đến làm việc, tham gia phiên tòa tại Tòa án.

Lời khai được Tòa án thu thập xác minh tại địa phương và gia đình bố mẹ đẻ của chị T1 đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của anh Xa Đức T và phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hà Thị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh Xa Đức T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với chị Hà Thị T1. Về con chung để cháu H tiếp tục chung sống với bố cháu và ông bà nội tại xóm Q, xã Đ và không yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 14 phát biểu ý kiến và đề nghị như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do phải chịu

hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Xa Đức T.

Về con chung: giao cháu Xa Hà Hoàng H, sinh ngày 29/01/2018 giao cho anh Xa Đức T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Hà Thị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Toà án tuyên quyền nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hà Thị T1 có nơi cư trú cuối cùng tại xóm Q, xã Đ nên Tòa án nhân dân Khu vực 14 tỉnh Phú Thọ giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng chị Hà Thị T1 đều vắng mặt không có lý do không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Chị Hà Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Xa Đức T và chị Hà Thị T1 kết hôn từ năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2017 ngày 17/03/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không ép buộc. Quá trình chung sống, đời sống chung giữa anh T và chị T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, mặc dù anh chị và hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, anh T và anh chị T1 vẫn không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được anh chị đã ly thân nhau từ năm 2020. Anh T nhận thấy tình cảm hai người không còn, không còn cảm thông, chia sẻ thấu hiểu nhau nên làm khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hà Thị

T1. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh cũng như thông báo hòa giải tại Tòa án nhưng chị T1 không hợp tác, vắng mặt không lý do thể hiện việc chị T1 không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ tình cảm vợ chồng với anh T. Từ tháng 08 năm 2020 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không tôn trọng, yêu thương và không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Xa Đức T được ly hôn với chị Hà Thị T1.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Xa Đức T và chị Hà Thị T1 có 01 người con chung là cháu Xa Hà Hoàng H, sinh ngày 29/01/2018. Thời gian anh T và chị T1 không chung sống cho đến nay, con chung ở cùng anh Xa Đức T và ông bà nội, được anh T và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian sống cùng bố và ông bà nội, cháu H được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, điều này thể hiện cháu H đã được chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục chu đáo, cháu H phát triển bình thường. Chị T1 cũng không có yêu cầu gì về con, để đảm bảo cho cháu H phát triển ổn định, tránh ảnh hưởng tâm lý của con nhỏ, HĐXX nhận thấy cần thiết phải giao con chung cho anh Xa Đức T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, anh Xa Đức T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 264, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Xa Đức T.

Về quan hệ hôn nhân xử: cho anh Xa Đức T được ly hôn với chị Hà Thị T1.

Về con chung: Giao cháu Xa Hà Hoàng H, sinh ngày 29/01/2018 cho anh Xa Đức T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con hoặc quy định khác của pháp luật. Chị Hà Thị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

Khi có yêu cầu thay đổi anh T, chị T1 có quyền làm đơn quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Xa Đức T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002770 ngày 11/02/2025 của Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Hoà Bình (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14- Phú Thọ). Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 14 - Phú Thọ;
- UBND xã Đà Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lự